TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 30-7-2019
V/v: Yêu cầu ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ
TỈNH BÀ RỊA –VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Qúy Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hà.

2. Ô Trấn Văn Trọng.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Mai – Thư ký TAND huyện Đất Đỏ.

- *Đại diện VKSND huyện Đất Đỏ tham gia phiên tòa:* ông Nguyễn Tùng Lâm – kiểm sát viên.

Ngày 30-7-2019, tại trụ sở TAND huyện Đất Đỏ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLST-HNGĐ ngày 08-4-2019 về tranh chấp "yêu cầu ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2019/QĐXX-ST ngày 28-6-2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐ ngày 16-7-2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Huyền T, sinh năm: 1980 (có mặt).

Địa chỉ: số 89Ô1 khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: ông Lê Văn L, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: số 89Ô1 khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (ông L vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ngày 03-4-2019 và quá trình tố tụng tại tòa án, nguyên đơn bà Trần Thị Huyền T trình bày: bà T và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống vợ chồng và đăng ký kết hôn vào năm 2007. Sau khi kết hôn sống cùng với gia đình ông L, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm thường hay cãi vả, ông L không quan tâm đến gia đình

thường xuyên nhậu nhẹt rồi dùng lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm bà T, mặc dù bà T có khuyên can nhưng ông L không thay đổi tính tình nên bà T thấy tình cảm vợ chồng không còn và vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân vợ chồng có gặp nhau để hàn gắn nhưng không thành. Nay vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà T ông L có 01 người con tên Lê Minh P, sinh ngày 21-11-2011, hiện con đang ở với bà T từ lúc vợ chồng ly thân. Sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu ông L cấp dưỡng.

Về tài sản chung: bà T không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: bà T khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với ông Lê Văn L vắng mặt tại phiên tòa:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho ông L và giấy triệu tập ông L đến Tòa án để ghi nhận ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L nhưng ông L không đến và cũng không có văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà T và không có yêu cầu phản tố.

- Tại Biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 24-6-2019 của TAND huyện Đất Đỏ, nơi vợ chồng bà T ông L sinh sống, được biết quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn thế nào thì địa phương không rõ. Tuy nhiên bà T có báo cho địa phương về việc ông L nhậu nhẹt về kiếm chuyện gây gổ, hiện nay bà T và ông L không còn sống chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi tiến hành các hoạt động tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án và xác định đúng quan hệ tranh chấp của vụ án.

+ Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án.

+ Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa sơ thẩm. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bà Trần Thị Huyền T và ông Lê Văn L chung sống có đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại UBND thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ. Nay, bà T yêu cầu ly hôn với ông L và yêu cầu được nuôi con nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của ông L tại thị trấn Đ, huyện Đất Đỏ nên Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Bị đơn ông Lê Văn L đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung:

Bà Trần Thị Huyền T và ông Lê Văn L chung sống với nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn nên hôn nhân này hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà T nhận thấy mâu thuẫn gia đình đã thật sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn. Còn ông L cố tình không đến Tòa án. Điều này chứng tỏ ông L không có thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn gia đình và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông L.

- Về con chung: bà T và ông L có 01 người con tên Lê Minh P, sinh ngày 21-11-2011, hiện con đang ở với bà T từ lúc vợ chồng ly thân, sau khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con không yêu cầu ông L cấp dưỡng. Xét thấy yêu cầu của bà T là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

- Về tài sản chung và nợ chung: bà T xác định vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản còn nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: bà T phải chịu án phí theo quy định, ông L không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Huyền T được ly hôn với ông Lê Văn L.

2. Về nuôi con chung: bà Trần Thị Huyền T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung tên Lê Minh P, sinh ngày 21-11-2011. Ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông L được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét đến.

4. Về án phí: bà Trần Thị Huyền T phải chịu 300.000đ án phí HNGĐ-ST. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 10709 ngày 03-4-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà T đã nộp đủ án phí. Ông L không phải chịu án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc bản án được niên yết) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BRVT.
- VKSND h Đất Đỏ.
- THA h Đất Đỏ.
- Đương sự.
- Lưu Vphòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ.

(Đã ký)

Lê Qúy Cường